

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày: 26-8-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Trần
Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 7
năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày
05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày
19 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Điều Văn T (Tên gọi khác: U), sinh năm 1987 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;
nơi cư trú: Khu phố Phước S, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:
Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha là Điều TH (Đã chết) và mẹ
là Võ Thị K; vợ là Phù Thị Ngọc T1 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm
2009; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 người con; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 03 tiền án.

- Ngày 16/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù
ngày 06/4/2012;

- Ngày 26/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày
26/9/2016;

- Ngày 29/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2021.

Nhân thân: Ngày 14/7/2017, bị Trưởng Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 19/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C “Có mặt”.

2. Nguyễn Minh C (Tên gọi khác: Tí C), sinh năm 1998 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố Hiệp Hòa, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha là Nguyễn Thanh Hạ và mẹ là Võ Thị Sinh; bị cáo là con duy nhất trong gia đình có 01 người con.

Tiền án: Có 02 tiền án.

- Ngày 09/7/2018, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2019;

- Ngày 09/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2021.

Tiền sự: Ngày 13/9/2021, bị Trưởng Công an thành phố E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.250.000 đồng về hành vi “Tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nhân thân:

- Ngày 24/3/2016, bị Trưởng Công an xã L, huyện C xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 19/10/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 08/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C “Có mặt”.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Phước Lợi, xã PH, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

2. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố Hiệp Hòa, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Tân Thuận, xã LT, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Võ Thị K, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Phước S, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

2. Ông Phạm Tài, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố Phước Trung, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

3. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố Phước Thới, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

4. Bà Trương Thị Thanh Hương, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố Tường Thành, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Hiệp Hòa, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

6. Lê Văn T, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Xóm Gò, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở: Tổ 11, ấp Phước S, xã Phước Lh, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

7. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố Thanh Tân, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI P VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội P vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 09/02/2022, Điều Văn T gọi điện thoại rủ Nguyễn Minh C đi trộm cắp tài sản, C đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, biển số 72S1-9141, chở C đi từ thị trấn D, huyện C đến khu đất chứa vật dụng xây dựng của bà Nguyễn Thị Thanh P thuộc khu vực ấp Phước Lộc, xã PH, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để trộm cắp tài sản. Đến nơi, C trèo qua hàng rào vào phía bên trong khu đất. Tại đây, C lấy 01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg ném qua hàng rào cho T đang đứng bên ngoài đợi sẵn, T mang cánh cửa lên vỉa hè; C lấy thêm 01 bó dây điện dài 8,6m (gồm 04 sợi dây, mỗi sợi có đường kính 0,015m, vỏ nhựa màu đen, lõi bằng kim loại, trên sợi dây có ký hiệu “Thipha Cable 2018-LV-ABC 4x95 mm²- 0,6/1kv”) rồi trèo ra ngoài. Sau đó, T cùng C chở đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang T và C cùng tang vật. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, T và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên. Qua điều tra, T và C còn khai nhận khoảng 08 giờ ngày 08/02/2022 tại địa điểm trên, T và C cùng nhau trộm cắp được 01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng

22kg rồi đưa đến tiệm phế liệu Phạm Tài ở tổ 5, khu phố Phước Trung, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bán cho ông Phạm Tài được 200.000 đồng. Số tiền có được T và C mua ma túy sử dụng hết.

Tang vật Công an thu giữ gồm: 02 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg; 01 bó dây điện dài 8,6m; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, biển số 72S1-9141; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (số imei: 359249065071789); 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ và số tiền 140.000 đồng.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: “01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg, trên cửa có ghi kí hiệu Phạm Tài có giá trị còn lại là 200.000 đồng; 01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg có giá trị còn lại là 200.000 đồng; 01 bó dây điện dài 8,6m (gồm 04 sợi dây, mỗi sợi có đường kính 0,015m, vỏ nhựa màu đen, lõi bằng kim loại, trên sợi dây có ký hiệu “Thipha Cable 2018-LV-ABC 4x95 mm²- 0,6/1kv) có giá trị còn lại 1.075.000 đồng”.

Ngày 28/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T và C, đồng thời áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với T, C. Nhưng T và C tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, cụ thể:

Vụ 1: Vào khoảng 15 giờ ngày 31/3/2022, C điều khiển xe đạp mini hiệu Bike Airblade@, màu bạc đi đến nhà ông Nguyễn Ngọc S ở khu phố Hiệp Hòa, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hiện nhà ông S đóng cửa ngoài, không có người trông coi, C dựng xe đạp ngoài đường rồi đi bộ ra phía sau nhà, dùng 01 cây dao rựa (cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 50cm) có sẵn tại đó cạy cửa sau vào nhà lấy được 02 vỏ bình gas. C chở 01 vỏ bình Gas, màu xám đến tiệm gas Trung ở khu phố Phước Thới, thị trấn D, huyện C bán cho ông Bùi Hữu T được 200.000 đồng, tiếp đó C chở bình Gas còn lại, màu hồng đến tiệm gas Bếp Lửa Hồng ở khu phố Tường Thành, thị trấn D, huyện C bán cho bà Trương Thị Thanh Hương được 200.000 đồng. Số tiền có được C tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông S đi làm về phát hiện sự việc đã trình báo Công an và Công an đã mời C lên làm việc. Tại đây, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật Công an thu giữ gồm: 01 xe đạp mini hiệu Bike Airblade@ màu bạc; 01 bình Gas, màu xám, phần trên bình có ký hiệu “13.3”, phần thân bình có ký hiệu “VT-Gas và 01 bình Gas, màu hồng, phần trên bình có ký hiệu “13.3”, phần thân bình có ký hiệu “Petrovietnam Gas” và 01 cây dao rựa (cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 50cm).

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: “01 bình Gas, màu xám, phần trên bình có ký hiệu “13.3”, phần thân bình có ký hiệu “VT-Gas”, trong bình không còn gas có giá trị còn lại là 200.000 đồng; 01 bình Gas, màu hồng, phần trên bình có ký hiệu “13.3”, phần thân bình có ký hiệu “Petrovietnam Gas”, trong bình không còn gas có giá trị còn lại là 200.000 đồng”.

Vụ 2: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/4/2022, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 29R8-7483 chở theo Nguyễn Văn T1 (tên thường gọi: T1 Bà Tô) đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước nhà bà Nguyễn Thị M ở Tổ 6, ấp Tân Thuận, xã LT, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì phát hiện 01 cuộn lưới bằng kim loại (lưới B40) không có người trông coi, T và T1 bê cuộn lưới lên xe, T điều khiển xe, T1 ngồi sau giữ lưới đi về hướng khu công nghiệp Đất Đỏ I thì gặp ông Lê Văn T hỏi mua cuộn lưới thì T và T1 đồng ý bán cho ông T giá 880.000 đồng. Khi T và T1 lấy tiền xong rồi đi thì bị Công an xã LT mời về làm việc. Tại đây, T và T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật Công an thu giữ gồm: 01 cuộn lưới bằng kim loại (lưới B40) đã qua sử dụng, kích thước 1.5m x 30m, đầu lưới bị rỉ sét, có trọng lượng 80kg; 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 29R8-7483 (SK: 108032; SM: 0108032) kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0090672 mang tên Trần Thị Hiền và số tiền 880.000 đồng.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 18/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 cuộn lưới bằng kim loại, lưới B40, đã qua sử dụng, kích thước 1.5m x 30m, đầu lưới bị rỉ sét, trọng lượng 80kg, giá trị còn lại là 1.040.000 đồng.

Bà Võ Thị K (mẹ của T) khai, xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 29R8-7483 là của bà K mua tại thành phố Vũng Tàu từ năm 2012.

Xử lý vật chứng:

Qua điều tra, xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

- Trả lại 02 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg và 01 bó dây điện dài 8,6m cho bà Nguyễn Thị Thanh P;
- Trả lại 01 bình Gas, màu xám; 01 bình Gas, màu hồng và 01 cây dao rựa (cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 50cm) cho ông Nguyễn Ngọc S;
- Trả lại 01 cuộn lưới bằng kim loại (lưới B40) đã qua sử dụng, kích thước 1.5m x 30m, đầu lưới bị rỉ sét, có trọng lượng 80kg cho bà Nguyễn Thị M;
- Trả cho bà Võ Thị K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen biển số 72S1-9141;
- Trả lại cho bà Lê Thị N (Là bà nội của C) 01 xe đạp mini hiệu Bike Airblade@ màu xám bạc và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (số imei: 359249065071789); 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 29R8-7483 (SK: 108032; SM: 0108032) kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0090672 mang tên Trần Thị Hiền và số tiền 1.020.000 đồng, hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Riêng ông Lê Văn T yêu cầu T và T1 trả lại cho ông T số tiền 880.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSĐĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Điều Văn T và Nguyễn Minh C tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đã phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, hậu quả xảy ra cũng như đặc điểm nhân thân của từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Điều Văn T và Nguyễn Minh C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Điều Văn T mức án từ 26 đến 30 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Minh C mức án từ 20 đến 26 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (số imei: 359249065071789) của bị cáo T do bị cáo dùng điện thoại này để gọi rủ C đi trộm cắp;

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 29R8-7483 (SK: 108032; SM: 0108032) kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0090672 mang tên Trần Thị Hiền, đề nghị trả lại cho bà K;

Đối với số tiền 880.000 đồng, đề nghị trả lại cho ông T;

Đối với số tiền 140.000 đồng thu giữ của bị cáo T là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, đề nghị trả lại cho bị cáo T.

Đối với ông Phạm Tài, ông Bùi Hữu T, bà Trương Thị Thanh Hương và ông Lê Văn T không biết nguồn gốc tài sản T và C bán cho cho mình do trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ xem xét xử lý hình sự đối với những người trên về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với Nguyễn Văn T1 có hành vi trộm cắp tài sản cùng Điều Văn T ngày 14/4/2022 có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên hành vi của Nguyễn Văn T1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Văn T1 số tiền là 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội P vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/02/2022 đến ngày 14/4/2022, Điều Văn T và Nguyễn Minh C nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của các chủ sở hữu như sau:

Khoảng 8 giờ, ngày 08/02/2022 tại khu đất chứa vật dụng xây dựng của bà Nguyễn Thị Thanh P ở ấp Phước Lộc, xã PH, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, T và C đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt của bà P 01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg, trị giá 200.000 đồng. Ngày 09/02/2022, tại địa điểm trên, T và C tiếp tục chiếm đoạt của bà P 01 cánh cửa bằng kim loại kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg, trị giá 200.000 đồng và 01 bó dây điện dài 8,6m, trị giá là 1.075.000 đồng.

Ngày 31/3/2022, C dùng dao cạy cửa đột nhập vào nhà ông Nguyễn Ngọc S tại khu phố Hiệp Hòa, thị trấn D, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm đoạt của ông S 01 vỏ bình Gas hiệu VT-Gas, màu xám, phần trên bình có ký hiệu “13.3” và 01 vỏ bình Gas hiệu Petrovietnam Gas, màu hồng, phần trên bình có ký hiệu “13.3”, tổng trị giá là 400.000 đồng.

Ngày 14/4/2022, tại Tổ 6, ấp Tân Thuận, xã LT, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, T cùng với Nguyễn Văn T1 lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M 01 cuộn lưới bằng kim loại (Lưới B40) đã qua sử dụng, kích thước 1.5m x 30m, trọng lượng 80kg, trị giá là 1.040.000 đồng.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

Điều Văn T và Nguyễn Minh C đang có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng) của T và C nêu trên đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Điều Văn T và Nguyễn Minh C tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động và coi thường pháp luật đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu; đều nghiện ma túy và bị xử lý vi phạm hành chính; các bị cáo đã nhiều lần được đưa đi cải tạo, giáo dục nhưng không rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội mà sau khi trở về địa phương đã liên tiếp thực hiện chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, đối với các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án, mỗi bị cáo đều thực hiện 03 lần chiếm đoạt tài sản của người khác, tuy trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng các bị cáo đang có tiền án tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên các lần chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đều cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xác định các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về đồng phạm: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong vụ án các bị cáo cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm vào ngày 08/02/2022 và ngày 09/02/2022, trong đó bị cáo T giữ vai trò chính rủ rê bị cáo C cùng thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu gì thêm trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Cơ quan điều tra ông Lê Văn T yêu cầu bị báo T và Nguyễn Văn T1 (người cùng trộm cắp với T ngày 14/4/2022) trả lại số tiền mua lưới B40 là 880.000 đồng, tuy nhiên tại các phiên tòa sơ thẩm ông T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để xem xét yêu cầu của ông T trong vụ án này nên dành quyền khởi kiện cho ông T bằng một vụ kiện dân sự khác đối với T và T1 nếu có yêu cầu.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Sau khi thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã điều tra, xác minh nguồn gốc và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những tài sản, gồm:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh P 02 cánh cửa bằng kim loại, kích thước 2,4m x 0,7m, trọng lượng 22kg và 01 bó dây điện dài 8,6m;
- Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc S 01 bình Gas, màu xám; 01 bình Gas, màu hồng và 01 cây dao rựa (cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 50cm);
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 cuộn lưới bằng kim loại (lưới B40), kích thước 1.5m x 30m, trọng lượng 80kg;
- Trả lại cho bà Võ Thị K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen biển số 72S1-9141;
- Trả lại cho bà Lê Thị N (Là bà nội của C) 01 xe đạp mini hiệu Bike Airblade@ màu xám bạc và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ.

Các vật chứng trên đã xử lý xong, không ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (số imei: 359249065071789) thu giữ của bị cáo T là phương tiện T sử dụng gọi rủ C (qua điện thoại của bà nội C) đi trộm cắp tài sản có liên quan đến việc phạm tội trong vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển số 29R8-7483, số khung 108032, số máy 0108032 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0090672 do người có họ, tên Trần Thị Hiền đứng tên chủ xe thu giữ của bị cáo T: Bà Võ Thị K là mẹ bị cáo T cho rằng bà K mua xe này ở thành phố Vũng Tàu vào khoảng năm 2012, nhưng không nhớ địa chỉ người bán xe, bà K để xe ở nhà T tự ý lấy xe đi. Xét thấy, Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm việc được với người có họ tên Trần Thị Hiền và chưa xác định được người có quyền chiếm hữu hợp pháp chiếc xe mô tô 29R8-7483, do đó cần giao lại chiếc xe mô tô 29R8-7483 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo quy định.

Đối với số tiền 880.000 đồng đang tạm giữ trong vụ trộm ngày 14/4/2022 có nguồn gốc do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 140.000 đồng thu giữ của bị cáo T là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

[8]. Đối với ông Phạm Tài, ông Bùi Hữu T, bà Trương Thị Thanh Hương và ông Lê Văn T không biết nguồn gốc tài sản T và C bán cho cho mình do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người trên là phù hợp.

[9]. Đối với Nguyễn Văn T1 có hành vi trộm cắp tài sản cùng Điều Văn T ngày 14/4/2022, nhưng do trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng và Nguyễn Văn T1 không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của Nguyễn Văn T1 không phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử phạt vi phạm hành chính hành vi trên đối với Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

[10]. Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Điều Văn T (U) và Nguyễn Minh C (Tí C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Điều Văn T (U): 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/4/2022.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh C (Tí C): 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/4/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (số imei: 359249065071789);

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng);

- Giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C để xử lý theo quy định của pháp luật: 01 (Một) xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển số 29R8-7483, số khung 108032, số máy 0108032 và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe, số 0090672 mang tên Trần Thị Hiền;

- Trả lại cho Điều Văn T số tiền 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Toàn bộ vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện C đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0002816 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C và Biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Điều Văn T và Nguyễn Minh C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; Điều 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp

có quyền kháng nghị bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy